TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 123/2020/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Phú Thọ,ngày 09 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh **Lê Thanh B**, sinh năm 1978

Đều có địa chỉ: Khu 2, xã T, thị xã P, tỉnh P;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị C và anh Lê Thanh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Lê Thanh B thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Lê Thanh B đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 11/5/2005. Khi ly hôn hai bên tự nguyện thỏa thuận anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc T kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu thành niên. Chị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh B, do anh B không yêu cầu.

Chị C và anh B đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị C và anh B xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên tòa án không đặt ra giải quyết.
* Về án phí: Chị Lê Thị C tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0047249 ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh B Dương. Hoàn trả lại cho chị C 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luậ t thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã Phú Thọ;*
- *TAND TP T, tỉnh B ;*
- *CC THADS TP T,tỉnh B ;*
- *CC THADS TX Phú Thọ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T thị xã Phú Thọ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP;*

THẨM PHÁN

Trần Hưng T